

ĐỀ ÁN

**Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp
hữu cơ, nông nghiệp sạch trên địa bàn huyện**

I. Đặc điểm chung:

1.1. Thực trạng sản xuất nông nghiệp hiện nay của địa phương:

Huyện Đak Doa có diện tích đất tự nhiên 96.530,6ha, trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp: 65.228ha (23.578ha đất trồng cây hàng năm; 41.650ha đất trồng cây lâu năm); Đất lâm nghiệp: 29.883,19ha (phòng hộ 10.148,05 ha; đặc dụng 3.426,33 ha; sản xuất 16.308,81 ha); Đất nông nghiệp khác 7,5 ha; Đất phi nông nghiệp 6.065 ha; đất chưa sử dụng 6.325,8ha.

Về trồng trọt: Diện tích cây công nghiệp ngắn ngày có cây lúa 6.763ha, trong đó diện tích sản xuất lúa sạch (hầu như ít sử dụng phân bón vô cơ và thuốc hóa học) khoảng 2.000ha chiếm tỷ lệ 29,57%; cây ngô 72 ha; cây sắn 1.395 ha; cây khoai lang: 100 ha; rau xanh 1.034 ha, trong đó sản xuất rau sạch, an toàn khoảng 150ha chiếm tỷ lệ 14,5%. Diện tích cây công nghiệp dài ngày: cây cà phê 27.766 ha, trong đó diện tích sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn 4C300 ha, chiếm 10,8 %; diện tích cây hồ tiêu 3.682 ha, trong đó diện tích đã được chứng nhận sản xuất hữu cơ 3,5 ha, diện tích sản xuất hồ tiêu sạch của Tổ hợp tác Hồ tiêu sạch Nam Yang khoảng 15 ha; cây cao su 7.750 ha (cao su quốc doanh 6.152 ha; cao su cá thể 1.258 ha).

Về chăn nuôi: Tổng đàn 236.024 con (trâu bò 19.625 con; heo 42.263 con; dê 1.200 con; gia cầm 172.936 con).

Về thủy sản: Tổng diện tích 128 ha, trong đó diện tích nuôi trồng 38 ha.

Về lâm nghiệp: Tổng diện tích đất lâm nghiệp: 29.883,19 ha (rừng tự nhiên 18.888,19 ha; rừng trồng 998,67 ha; đất lâm nghiệp chưa có rừng 9.996,33 ha).

Tuy nhiên, hiện nay phần lớn diện tích trồng cây cà phê, hồ tiêu, một số loại rau quả, chanh dây do lạm dụng hóa chất trong nông nghiệp quá nhiều gây nên những hậu quả nghiêm trọng như: ô nhiễm môi trường, đất đai bạc màu, suy giảm đa dạng sinh học, ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật ở người, sâu bệnh càng tiến hóa để thích ứng và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người. Để khắc phục những nhược điểm trên, nông nghiệp nước ta đang từng bước chuyển dịch sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ. Trên thị trường người dân đã biết đến và đang làm quen dần với các sản phẩm nông nghiệp sạch như: rau sạch, rau an toàn và một số hoa quả, thực phẩm an toàn, đặc biệt trên địa bàn huyện có sản phẩm hồ tiêu hữu cơ đã được công nhận và sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn 4C. Do vậy, việc xây dựng đề án chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch trên địa bàn là hết sức cần thiết.

1.2. Cơ sở pháp lý làm cơ sở để triển khai:

Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

Văn bản số 1086/UBND-NL ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh, về việc triển khai Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

Kế hoạch số 693/KH-SNNPTNT ngày 02/4/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về thực hiện Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

II. Mục tiêu:

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng, định hướng chuyển dịch sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch gắn kết với các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn nhằm tạo bước đột phá về phương thức kỹ thuật trong sản xuất để nâng cao hiệu quả và giá trị sản phẩm, tăng năng suất và sản lượng với mục đích đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội địa và hướng đến phục vụ xuất khẩu vào các thị trường khó tính. Xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả để phát triển nhân rộng đưa sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch phát triển theo hướng hàng hóa có tính cạnh tranh cao.

Nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích, chuyển dịch cơ cấu cây trồng tạo ra những sản phẩm chất lượng có giá trị kinh tế cao, từng bước áp dụng công nghệ hữu cơ, công nghệ sạch trên diện tích toàn huyện. Chủ động kiểm soát và không chế được sâu bệnh, giảm đến mức thấp nhất tác hại do sâu bệnh gây ra.

Kiểm soát tình trạng ô nhiễm môi trường gây ra trong quá trình sản xuất, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa trên cơ sở đẩy mạnh tổ chức vùng sản xuất cho từng loại cây chuyển dần theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sạch mang tính hàng hóa tập trung gắn với chế biến và ứng dụng khoa học công nghệ; quản lý sản xuất theo quy hoạch áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây nông sản hàng hóa, cung ứng đủ nguyên liệu cho các nhà máy chế biến và xuất khẩu.

- Xây dựng các mô hình điểm về đầu tư thâm canh sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sạch tương ứng mỗi loại cây ít nhất 01 mô hình, phấn đấu đến năm 2020, tầm nhìn 2025 chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hữu cơ đạt 0,28% trên tổng diện tích canh tác, sản xuất nông nghiệp sạch đạt 4,98% trên tổng diện tích canh tác nông nghiệp, cụ thể một số loại cây trồng, vật nuôi sau:

+Về trồng trọt: Phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị; hỗ trợ tập huấn, khuyến nông và các dịch vụ tư vấn nhằm nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc, và thu hoạch cho nông dân cụ thể: Đối với cây ngắn ngày gồm sản xuất lúa sạch 500 ha (trong đó xây dựng cánh đồng sản xuất lúa hữu cơ chất lượng cao 50 ha tại địa bàn xã Hnol, xã Trang); xây dựng thương hiệu sản xuất khoai

lang Lê Cần theo hướng hữu cơ, chế biến sâu 20 ha tại xã Tân Bình; canh tác cây sắn theo quy trình sản xuất sạch 1.500 ha tại địa bàn các xã Hà Đông, Đak Somei, Đak Krong, Kon Gang, Hnol và xã Trang; sản xuất rau sạch, an toàn 300 ha tại địa bàn các xã Tân Bình, Kdang, Glar và thị trấn Đak Đoa. Đối với cây công nghiệp dài ngày: Cây cà phê sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn 4C (cà phê sạch) 2.000 ha chủ yếu tập trung tại các xã Kdang, Ia Băng, Ia Pét, Adok, Glar, Kon Gang, Hneng, Nam Yang, Đak Krong (trong đó xây dựng mô hình điểm sản xuất cà phê theo tiêu chuẩn hữu cơ tại HTX Nông nghiệp và Dịch vụ xã Nam Yang 30 ha); sản xuất hồ tiêu hữu cơ 30 ha, sản xuất hồ tiêu sạch 200 ha tại xã Nam Yang, Hneng; phát triển cây ăn trái theo hướng hữu cơ với diện tích 20 ha thuộc Tổ hợp tác xã Nông nghiệp sản xuất cây có múi tại xã Kon Gang, ...

+Về chăn nuôi: Xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung, an toàn dịch bệnh, ứng dụng công nghệ tiên tiến để có sản phẩm chăn nuôi chất lượng cao có khả năng cạnh tranh trên thị trường; thúc đẩy xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến có quy mô phù hợp, công nghệ hiện đại gắn với vùng chăn nuôi hàng hóa, xử lý chất thải, giảm thiểu tối đa về ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm.

+Về thủy sản: Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo điều kiện từng vùng, tăng cường đầu tư thâm canh, áp dụng quy trình thực hành nuôi tốt (GAP) để nâng cao năng suất, chất lượng.

+Về lâm nghiệp: Tập trung quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên. Chuyển từ lâm nghiệp truyền thống sang lâm nghiệp xã hội về bảo vệ, phát triển rừng và quản lý rừng bền vững, phát triển cây dược liệu dưới tán rừng 150 ha tại địa bàn các xã Hà Đông, Đak somei, Đak Krong, Kon Gang và Hải Yang.

(chi tiết Quy hoạch sản xuất hữu cơ, nông nghiệp sạch trên địa bàn kèm theo)

- Toàn bộ vùng sản xuất được thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật từ áp dụng lịch thời vụ, cơ cấu giống, chăm sóc, quản lý dịch hại tổng hợp, kỹ thuật canh tác hiệu quả, an toàn và bền vững.

- Góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, nâng cao đời sống và ổn định xã hội trên địa bàn huyện.

3. Yêu cầu:

- Nông dân đã quen với phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống, việc chuyển dần sang sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sạch đòi hỏi những yêu cầu khắc khe. Do vậy cần tuyên truyền sâu rộng cho nhân dân hiểu được lợi ích khi tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch từ đó phát triển rộng khắp trên địa bàn.

- Đối với vùng chuyên sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nhà nước phải có chính sách ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm (Chính phủ đã ban hành Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019; tại địa phương Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh đang chủ trì phối hợp với các sở ngành và địa phương xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích, quy hoạch, kế hoạch, dự án sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh, dự kiến đến cuối năm 2019 tỉnh sẽ ban hành). Hoàn thiện hệ thống, tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất, chế biến, chứng nhận chất lượng. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, phát triển thị

trường, quản bá sản phẩm.

III. Nhiệm vụ và giải pháp:

1. Nhiệm vụ:

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh triển khai các nội dung trong kế hoạch thực hiện Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh để đảm bảo nền nông nghiệp tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, hướng đến nền nông nghiệp vì chất lượng cuộc sống nhân dân.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển dịch dần theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch nhằm mang lại hiệu quả sản xuất, phát triển theo hướng hàng hóa có tính cạnh tranh cao.

- Có chính sách khuyến khích dồn điền, đổi thửa hoặc chính sách tích tụ ruộng đất theo hướng Nhà nước thuê lại đất của nông dân và giao cho tổ chức, cá nhân thực hiện vùng chuyên canh các loại cây trồng, vật nuôi tập trung, xây dựng cánh đồng lớn, áp dụng cơ giới hóa, tưới tiên tiến tiết kiệm nước và thâm canh, sản xuất nông nghiệp hữu cơ an toàn, bền vững và hiệu quả.

- Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch các loại cây trồng, vật nuôi có tiềm năng và lợi thế của địa phương để chuyển giao và hướng dẫn, khuyến cáo người dân trên địa bàn học tập, nhân rộng trong sản xuất. Đẩy mạnh việc xây dựng hợp tác xã kiểu mới, tổ hợp tác, kinh tế trang vừa để thực hiện có hiệu quả các vấn đề về khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và thị trường.

- Tổ chức thực hiện tốt việc liên kết 6 nhà “Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà bank (ngân hàng) và Nhà phân phối” vững chắc, thông qua nhiều hình thức hỗ trợ.

- Cân đối, bố trí kịp thời nguồn vốn ngân sách trung ương, tỉnh và ngân sách cấp huyện, khai thác có hiệu quả các nguồn vốn lồng ghép, nguồn vốn xây dựng nông thôn mới; nguồn vốn giảm nghèo bền vững; huy động nguồn lực của dân để thực hiện. Công khai rộng rãi, minh bạch tất cả các chính sách và chủ trương, đề án, kế hoạch phát triển của địa phương đến các đơn vị có liên quan và người dân bằng nhiều hình thức để quản lý và khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong chuyển dịch theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch.

- Hàng năm tổ chức cho các hộ nông dân sản xuất tiêu biểu, các cơ sở sản xuất tham gia các hội chợ, vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tiêu biểu để học tập kinh nghiệm về sản xuất.

- Phân công cơ quan chức năng của địa phương làm cầu nối giữa nông dân với doanh nghiệp trong việc ký kết hợp đồng đầu tư liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch để xây dựng, củng cố mối liên kết bền vững, đảm bảo sản xuất có hiệu quả, người sản xuất gắn bó lâu dài với doanh nghiệp, phát triển vùng nguyên liệu ổn định, bền vững.

2. Giải pháp:

2.1. Công tác thông tin, tuyên truyền:

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về chủ trương, chính sách, đề án sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch hướng đến nền nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tiết kiệm, an toàn, hiệu quả. Cụ thể phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của

Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ; các cơ chế, chính sách của tỉnh về sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại địa phương.

- Vận động thành lập tổ hợp tác, tổ liên kết, hợp tác xã trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức tham quan các mô hình điểm về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch nhằm học tập rút kinh nghiệm và vận dụng phát triển tại địa phương.

2.2. Về quy hoạch:

- Tiếp tục tìm kiếm, phát hiện những sản phẩm tiềm năng của địa phương; lựa chọn đầu tư và phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh; đồng thời, lập kế hoạch phát triển gắn với sản xuất, chế biến để hình thành chuỗi liên kết sản xuất, chế biến nhằm tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, có thương hiệu, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế, đối với vùng chuyên canh các loại cây trồng, vật nuôi.

2.3. Về ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất:

- Tiếp tục chuyển giao, giới thiệu các giống mới, các kỹ thuật mới, công nghệ mới đến người dân nhằm tiết kiệm công lao động, tăng năng suất, sản lượng và đảm bảo các tiêu chuẩn để cung cấp cho thị trường.

- Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch theo chuỗi giá trị đối với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực như cà phê, hồ tiêu, các loại rau, củ quả và chăn nuôi bò, heo có tiềm năng và lợi thế của địa phương để chuyển giao và hướng dẫn, khuyến cáo người dân trên địa bàn học tập, nhân rộng trong sản xuất.

2.4. Về liên kết sản xuất:

- Vận động nông dân tăng quy mô sản xuất, hình thành vùng sản xuất có diện tích lớn hoặc liên kết để thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã quy mô lớn hoặc liên kết, ký hợp đồng sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp với nông dân để tăng cường năng lực sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, khả năng cạnh tranh và được hưởng chính sách hỗ trợ của địa phương.

- Tăng cường liên kết giữa liên kết 6 nhà “Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà bank (ngân hàng) và Nhà phân phối” vững chắc, thông qua nhiều hình thức nhằm hỗ trợ trong sản xuất cũng như cung ứng vật tư, giống, trao đổi học tập kinh nghiệm, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh việc xây dựng hợp tác xã kiểu mới, tổ hợp tác, kinh tế trang trại để thực hiện có hiệu quả các vấn đề về khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và thị trường.

2.5. Về chính sách:

- Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2019 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ; các cơ chế chính sách khuyến khích, quy hoạch, kế hoạch, dự án sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh (dự kiến cuối năm 2019 UBND tỉnh sẽ ban hành)

- Lồng ghép các nguồn kinh phí từ các chương trình như xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo, vốn đầu tư của doanh nghiệp để tập trung xây dựng mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất nông nghiệp hữu cơ; Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận và hưởng thụ chính sách để xây dựng và thực hiện các mô hình.

- Có cơ chế về hỗ trợ đất đai, tạo điều kiện để các hộ dân thành lập các Tổ hợp tác, hợp tác xã, hình thành các vùng liên kết sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch đặc trưng của địa phương.

2.6. Giải pháp phát triển thị trường, thương hiệu:

- Liên kết các hộ nông dân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc liên kết làm đầu mối cho doanh nghiệp trong tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị sản xuất, đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch.

- Tổ chức điều tra, khảo sát nhằm xác định nhu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm đối với từng chủng loại cây trồng, vật nuôi nhằm xây dựng kế hoạch phát triển từng loại phù hợp. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ tại các hội chợ, hội thi về sản phẩm nông nghiệp. Xây dựng và phát triển kênh phân phối chính thức và uy tín như siêu thị, hình thành một số cửa hàng cung ứng sản phẩm theo chuỗi.

- Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch của địa phương. Gắn việc phát triển nông nghiệp hữu cơ của địa phương theo hướng Mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Đồng thời, hỗ trợ triển khai công tác phát triển, đăng ký xác nhận, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch của địa phương.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. UBND các xã, thị trấn:

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn lập kế hoạch chuyển dịch theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch của địa phương và quy hoạch vùng sản xuất tập trung nhằm phát triển vùng chuyên canh các loại cây trồng, vật nuôi.

- Tuyên truyền vận động nhân dân mạnh dạn chuyển dịch dần theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch nhằm mang lại hiệu quả kinh tế, ổn định, tiết kiệm, an toàn và tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Vận động các hộ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch liên kết thành tổ hợp tác, hợp tác xã, ... nhằm ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật, giống mới vào sản xuất nông nghiệp theo các tiêu chuẩn như GlobalGAP, VietGAP... nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, tạo ra sản phẩm riêng có tên tuổi, khẳng định vị trí trên thị trường.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn huyện triển khai thực hiện các mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại địa phương.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tham mưu UBND huyện thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo việc triển khai thực hiện có hiệu quả đề án chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch trên địa bàn. Phối hợp với các sở ban ngành của tỉnh triển khai các nội dung trong kế hoạch thực hiện Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh; bố trí nguồn lực, lựa chọn địa điểm, sản phẩm để xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại địa phương.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch liên kết thành tổ hợp tác, ứng dụng

khoa học công nghệ, kỹ thuật, giống mới vào sản xuất theo các tiêu chuẩn như GlobalGAP, VietGAP...

- Làm cầu nối giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị tại địa phương, hình thành mối liên kết giữa các nhà “Nhà nông - Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Nhà bank (ngân hàng) và Nhà phân phối.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND huyện trong việc quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch của địa phương, hướng tới xây dựng sản phẩm có thương hiệu, được chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm hữu cơ, chủ lực.

- Tham mưu UBND huyện trong việc lồng ghép các nguồn kinh phí từ các chương trình đề tập trung xây dựng mô hình liên kết theo chuỗi giá trị; Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận và hưởng thụ chính sách để xây dựng và thực hiện các mô hình.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Hướng dẫn các chính sách về tài chính, đầu tư để thực hiện đề án chuyển dịch theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND huyện bố trí nguồn kinh phí để xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại địa phương; đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn ngân sách hàng năm để triển khai thực hiện Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ tại địa phương (khi có chính sách nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh). Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận và hưởng thụ chính sách để xây dựng và thực hiện các mô hình.

4. Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các ngành, UBND các xã, thị trấn hỗ trợ, trưng bày, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, đặc trưng của địa phương trong các Hội chợ, Lễ hội, Hội nghị xúc tiến thương mại... trong và ngoài tỉnh.

5. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao:

Tăng cường công tác tuyên truyền, xây dựng các chương trình, chuyên mục, phóng sự liên quan đến chủ trương, định hướng và giải pháp đề án chuyển dịch sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch trên địa bàn huyện. Phổ biến Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện.

6. Trung tâm Y tế huyện:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm liên quan đến các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, đảm bảo các tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định.

7. Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện:

Hàng năm tham mưu UBND huyện thực hiện các mô hình trình diễn về sản

xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch cho các loại cây trồng, vật nuôi tại địa phương theo hướng liên kết theo chuỗi giá trị; Chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao đến người nông dân. Đồng thời, tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, canh tác, chế biến nông nghiệp hữu cơ nhằm nâng cao kiến thức, kỹ thuật trong quá trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch của nông dân tại địa phương.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQVN huyện và các đoàn thể huyện:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân mạnh dạn chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sạch an toàn cho các loại cây trồng, xây dựng cánh đồng lớn nhằm tạo ra những tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất thuận lợi cho quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thực hiện Nghị định 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ và các chính sách nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

9. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – CN Đak Đoa, phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện:

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương ưu tiên tập trung vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tích cực triển khai các chương trình, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ.

10. Các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch:

Chủ động tìm hiểu, phát triển các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch tiềm năng, có lợi thế cạnh tranh, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, sản lượng và đảm bảo các quy định về an toàn thực phẩm; Thực hiện liên kết hình thành các vùng sản xuất ổn định, quy mô lớn; Xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm nông nghiệp hữu cơ của địa phương; Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin, giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các hội chợ, hội thi về sản phẩm nông nghiệp. Xây dựng và phát triển kênh phân phối chính thức và uy tín như siêu thị nhằm tìm nguồn tiêu thụ ổn định và bền vững.

Trên đây là Đề án chuyển dịch theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch trên địa bàn, yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể huyện
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT UBND huyện;
- Các CN, PGD Ngân hàng đứng chân trên địa bàn;
- Các doanh nghiệp, HTX, THT
- SXKD liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn;
- Lưu: VT-NL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KS. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nhữn

DỰ KIẾN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, NÔNG NGHIỆP SẠCH HUYỆN ĐAK ĐOÀ ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Đề án số 14 /ĐA-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2019 của UBND huyện Đak Đoa)

ĐVT: Ha

TT	Địa phương	Tổng	Cây lúa nước		Cây cà phê		Cây hồ tiêu		Cây rau, màu		Cây ăn trái		Cây khoai lang		SX lâm nghiệp bền vững+phát triển cây được liêu		Ghi chú
			SX hữu cơ	Việt GAP	SX hữu cơ	tiêu chuẩn 4C	SX hữu cơ	SX hồ tiêu Việt GAP	SX rau hữu cơ	Rau sạch, an toàn	SX hữu cơ	Việt GAP	SX hữu cơ	SX Việt GAP	Phát triển Lâm nghiệp bền vững	phát triển cây được liêu dưới tán rừng	
1	Thị trấn Đak Đoa	25,0							5,0	20,0							
2	xã Hà Đông	1.150,0										100,0			1.000,0	50,0	
3	xã Đak Somei	280,0										50,0			200,0	30,0	
4	xã Đak Krong	620,0				150,0						50,0			400,0	20,0	
5	xã Hải Yang	170,0										50,0			100,0	20,0	
6	xã Kon Gang	780,0				150,0					20,0	50,0		30,0	500,0	30,0	
7	xã Hà Bầu	100,0				100,0											
8	xã Nam Yang	260,0			30,0	100,0	30,0	100,0									
9	xã Kdang	240,0				200,0				40,0							
10	xã Hneng	320,0				200,0		100,0						20,0			
11	xã Tân Bình	235,0				100,0			15,0	50,0			20,0	50,0			
12	xã Glar	300,0		100,0		200,0											
13	xã Adok	300,0		100,0		200,0											
14	xã Trang	170,0	20,0	50,0		100,0											
15	xã Hnol	180,0	30,0	50,0		100,0											
16	xã Ia Pét	300,0		100,0		200,0											
17	xã Ia Băng	300,0		100,0		200,0											
Tổng		5.730,0	50,0	500,0	30,0	2.000,0	30,0	200,0	20,0	110,0	20,0	300,0	20,0	100,0	2.200,0	150,0	



